

Bản án số: 105/2017/HSST
Ngày 26 và 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiên Nga.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:*
 - + Ông Nguyễn Xuân Phong
 - + Bà Vũ Thị Xuyên .
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hoàng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 89/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị Thanh H**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 1, khu 10, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Khu 7, thị trấn T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trương Đức Th và bà Nguyễn Thị Th; Chồng là Phạm Đình H (đã ly hôn); Có 02 con: Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 18/07/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 13 năm 06 tháng tù về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”; Bị tạm giam ngày 14/10/2016 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- **Chị Bùi Thị Nguyệt**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ 7, khu 8, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.
- **Bà Nguyễn Thị Ngoan**, sinh năm 1969.
Địa chỉ: Tổ 1, khu H, phường N, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trương Thị Thanh H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 5/2014, Trương Thị Thanh H, lúc đó đang làm hợp đồng tại Khoa sơ sinh - Bệnh viện Đ, thành phố B, có gửi con gái là cháu Phạm Kiều A ở trường mầm non L, phường S, thành phố B, thì quen biết chị Bùi Thị Ng (Sinh năm 1985; ĐKNKTT tại xã H, huyện H, tỉnh Hải Dương) là giáo viên của cháu Kiều A. Khi biết chị Ng có nhu cầu tìm công việc khác, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Ng bằng cách nói dối là mình có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Đ để tạo lòng tin cho chị Ng và bảo chị Ng giao cho mình số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) để làm chi phí xin việc. Do tin tưởng H nên chị Ng đồng ý. Ngày 13/8/2014, chị Ng đến gặp H ở phòng làm việc tại khoa Sơ sinh, Bệnh viện Đ, đưa cho H số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và hồ sơ xin việc. Huyền viết giấy nhận tiền với số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) đưa cho chị Ng. Khoảng 04 ngày sau, chị Ng đưa số tiền còn lại là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) cho H thì H hẹn đến đầu năm 2015 sẽ đi làm. Cùng thời gian này, chị Ng nói với chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1992; trú tại phường N, thành phố B) là giáo viên cùng trường về việc nhờ Huyền xin việc; chị L đã nói với mẹ mình là bà Nguyễn Thị Ng (sinh năm 1969; trú tại phường N, thành phố B) liên hệ với H để nhờ xin việc. Bà Ng gọi điện thoại cho H để hỏi xin việc cho L. H nhận lời và yêu cầu bà Ng đưa cho H 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) để làm chi phí xin việc. Bà Ng đồng ý. Sau đó, bà Ng đến Khoa Sơ sinh, Bệnh viện Đ gặp và đưa cho H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Ngày 27/9/2014, bà Ng tiếp tục gặp H tại nhà để xe của Bệnh viện để đưa nốt số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). H viết một giấy nhận số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) đưa cho bà Ng và hẹn khi nào bệnh viện Đ xây xong thì L sẽ được đi làm. Sau đó, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền đã chiếm đoạt được của bà Ng và chị Ng và không có khả năng xin việc cho hai người. Đầu năm 2015, khi thấy chưa được đi làm, chị Ng và chị L đã liên lạc với H. H khất lần và tìm cách thoái thác không trả tiền. Tháng 11/2016, chị Ng và bà Ng đã làm đơn tố giác H tại Công an thành phố Uông Bí.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành xác minh tại Bệnh viện Đ xác định: Trong các năm 2014 và 2015, Bệnh viện không tổ chức nhận hồ sơ tuyển dụng và không tiếp nhận hồ sơ xin việc của hai người có tên là Bùi Thị Ng và Nguyễn Thị L.

Quá trình điều tra, H thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với chị Bùi Thị Ng và bà Nguyễn Thị Ng như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 91/KSĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Trương Thị Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại chị Bùi Thị Ng tại phiên tòa có lời khai cơ bản phù hợp với nội dung vụ án, xác nhận bị cáo H đã trả cho chị 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nên chị yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) và đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo .

Người bị hại bà Nguyễn Thị Ng có lời khai cơ bản phù hợp với nội dung vụ án, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và bà đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm luận tội, đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh H từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 8 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/10/2016.

- Áp dụng điều 51 BLHS: Tổng hợp với bản án số 20/2017/HSST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo 13 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 21 năm tù đến 21 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/10/2016.

- Áp dụng điều 42 BLHS; Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự năm 2015: buộc bị cáo Trương Thị Thanh H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) chị Bùi Thị Ng số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng)

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, phí dân sự sơ thẩm theo quy định và quyền kháng cáo .

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Kết luận giám định số 31/GĐTL ngày 27/02/2017, biên bản nhận dạng ngày 25/4/2017, giấy biên nhận tiền, tài liệu in chi tiết tin nhắn điện thoại nên đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 08 đến tháng 09 năm 2014, Trương Thị Thanh H bằng hành vi gian dối nói mình có khả năng xin được việc cho chị Bùi Thị Ng và chị Nguyễn Thị L (là con gái của bà Nguyễn Thị Ng vào làm việc tại Bệnh viện Đ, tạo lòng tin để chị Ng và bà Ng đưa cho H mỗi người 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) để làm chi phí xin việc. Sau đó, H không xin việc cho chị Ng, chị L. Khi thấy H không xin được việc chị Ng đã nhắn tin nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền. H đã trả cho chị Ng 5.000.000đ (Năm triệu) đồng và cũng không trả thêm khoản tiền nào cho chị Ng và bà Ng, mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền H lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài ra, từ tháng 5/2014 đến tháng 11/2014, H còn nhiều lần vay của bà Bùi Thị L tổng số tiền là 410.000.000đ (bốn trăm mười triệu đồng). Thỏa thuận trả lãi hàng tháng. H cũng đã trả lãi và anh H là chồng cũ của bị cáo đã trả nợ cho bị cáo 50.000.000đ (Năm mươi triệu) tiền gốc . Hiện chưa đủ cơ sở xác định H dùng thủ

đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà L, Vì vậy không đề cập xử lý trong vụ án này .

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù bản thân không có khả năng xin việc cho người khác nhưng do hám lời nên lợi dụng sự quen biết và lòng tin bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội ở nhiều nơi với nhiều người thể hiện sự coi thường pháp luật vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh .

Ngày 18/07/2017, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 13 năm 06 tháng tù về các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần phải tổng hợp hình phạt với bản án trên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả hai bản án.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Việc bị cáo bồi thường 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho chị Ng không được HĐXX xem xét giảm nhẹ theo qui định tại điểm b khoản 1 điều 46 BLHS. Bởi lẽ khi thấy không xin được việc chị Ng nhiều lần yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhưng bị cáo có thái độ khắt lằn, trốn nợ, không tự giác. Điểm b khoản 1 điều 46 BLHS qui định “*Người phạm tội tự nguyện, sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” .

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) cụ thể: Chiếm đoạt của chị Ng 120.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng); bồi thường cho bà Ng toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bồi các lễ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trương Thị Thanh H** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Xử phạt : **Trương Thị Thanh H** 07 (Bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 20/2017/HSST ngày 18/07/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, bị cáo Trương Thị Thanh H phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là **20 (Hai mươi) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/10/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Thị Thanh H phải bồi thường cho người bị hại là chị Bùi Thị Ng số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền phải bồi thường là 235.000.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi xuất bằng 50% mức lãi xuất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án: Bị cáo Trương Thị Thanh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.750.000đ (Mười một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP.B;
- Công an TP.B;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiên Nga

HỘI THẨM NHÂN DÂN	T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA Vũ Thị Thiên Nga
--------------------------	---